

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Kim Thoa
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**Đề tài : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN HOÀNG THUY**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Trần Thị Kim Thoa
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Kim Thoa

Mã SV: 1013401070

Lớp: QTL402K

Ngành: Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ❖ Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - ❖ Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy
 - ❖ Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Sử dụng số liệu năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Th.s Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

LỜI MỞ ĐẦU

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu hóa, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế ngày càng khốc liệt hơn, nhất là khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này sẽ mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội vô cùng quý báu và đồng thời cũng tạo nhiều thử thách lớn. Do đó, mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ càng phải cố gắng nhiều hơn, phải thể hiện được vị trí của mình trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Qua nhiều năm hoạt động, công ty đã từng bước khẳng định mình trên thương trường, giữ vững được vị thế của mình trên thị trường cũng như xác định đúng kết quả kinh doanh là vấn đề có ý nghĩa rất thiết thực. Với nhận thức trên và qua thời gian thực tập tại công ty, em quyết định đi sâu nghiên cứu đề tài sau:

“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy”

Ngoài lời nói đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy

Do thời gian thực tập, cơ hội tiếp xúc với thực tế và kiến thức có hạn nên đề tài của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để đề tài của em có giá trị thực tiễn cao hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kinh tế nước ta đã và đang hoà chung vào sự phát triển của nền kinh tế thế giới và khu vực. Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là đem lại lợi nhuận cao, các doanh nghiệp còn phải biết nắm bắt những thông tin, số liệu cần thiết, chính xác từ bộ phận kế toán để kịp thời đáp ứng các yêu cầu của nhà quản lý, có thể công khai tài chính thu hút nhà đầu tư, tham gia vào các thị trường tài chính. Do đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng có ý nghĩa quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu cũng là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước như nộp thuế theo quy định... Doanh thu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong doanh nghiệp được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ

- Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất và chế tạo sản phẩm như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết

cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác quan tâm như: các nhà quản lý, ngân hàng, các nhà đầu tư... Nó là cơ sở để xác định các chỉ tiêu kinh tế, tài chính... Ngoài ra, nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước hay cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa lợi ích của doanh nghiệp và cá nhân người lao động. Kết quả kinh doanh được thể hiện ở khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong 1 thời kỳ nhất định và được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp và là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1 Doanh thu

- Doanh thu là tổng giá trị của lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

Doanh thu phát sinh trong quá trình hoạt động thông thường của doanh nghiệp bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác...

Doanh thu bán hàng : Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng được ghi theo giá hóa đơn, các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại được phản ánh ở tài khoản riêng. Cuối kỳ được kết chuyển để giảm doanh thu hóa đơn.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”_ Ban hành và công bố theo quyết định số 149/QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện:

a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

* Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- Bên mua đã nhận đủ hàng .

- Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

* Với hình thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển theo hình thức vận chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là :

- Bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm người mua.

- Bên bán đã thu tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ.

* Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

* Với phương thức đại lý ký gửi thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng từ bên đại lý ký gửi.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ

theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty hay tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Là các khoản làm giảm tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm các khoản sau:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị của khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do hàng hóa sai khác với hợp đồng hoặc chưa hết thời hạn sử dụng mà hàng hóa đã bị hư hỏng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng trong danh mục vật tư, hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế xuất khẩu: Là sắc thuế đánh vào tất cả các hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>
--	---	---	---	-------------------------------------

Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực kế toán số 01 “ Chuẩn mực chung” _ Ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002 QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng bộ tài chính

-Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dựa trên hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài khoản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí bao gồm:

Giá vốn hàng bán:

- Giá vốn hàng bán là giá thành công xưởng thực tế của thành phẩm xuất bán hay giá thành thực tế của lao vụ, dịch vụ cung cấp hoặc là giá mua thực tế của hàng hoá tiêu thụ. Trong doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán chính là giá mua thực tế của hàng hoá tiêu thụ, bao gồm giá mua và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng hoá bán ra.

- Giá vốn hàng bán là khoản chi phí quan trọng nhất, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của các doanh nghiệp thương mại. Khoản chi phí này được bù đắp trực tiếp bằng doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng của doanh nghiệp. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay còn nhiều biến động thì các doanh nghiệp càng phải quan tâm trong việc lựa chọn phương pháp xác định giá vốn thích hợp cho mình sao cho có lợi ích nhất mà vẫn phản ánh đúng giá vốn của hàng hoá theo quy định của Bộ tài chính.

Chi phí bán hàng:

- Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ, là một bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh nhằm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hóa kinh doanh trong kỳ báo cáo.

- Chi phí bán hàng được bù đắp bằng khối lượng doanh thu thuần thực hiện của hoạt động bán hàng và hoạt động tài chính. Trong trường hợp đặc biệt, chi phí bán hàng được phân bổ cho kỳ báo cáo sau (kỳ xác định kết quả) để chờ doanh thu khi thương vụ được thực hiện qua nhiều kỳ báo cáo kết quả hoạt động. Mức chi phí bán hàng chờ kết chuyển được xác định theo nguyên tắc phù hợp áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là một loại chi phí thời kỳ, cũng giống như chi phí bán hàng được bù đắp bởi các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, hoạt động tài chính thuộc kỳ xác định kết quả. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp cũng bao gồm các yếu tố như chi phí bán hàng, tuy vậy công dụng của các yếu tố có sự khác biệt.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi chung cho quản lý văn phòng và các khoản chi kinh doanh không gắn được với các địa chỉ cụ thể trong cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí tài chính:

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp, nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí mua bán chứng khoán kể cả tổn thất trong đầu tư (nếu có)
- Lỗ do nhượng bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ.
- Phân bổ dần lỗ về chênh lệch tỷ giá hối đoái của giai đoạn xây dựng cơ bản trước khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.
- Lỗ liên doanh, lỗ chuyên nhượng vốn, lỗ thu hồi vốn.
- Chi phí về lãi tiền vay phải trả (không bao gồm lãi tiền vay dài hạn để xây dựng cơ bản khi công trình chưa đi vào sử dụng)
- Chi phí về lãi trái phiếu phát hành và phân bổ dần chiết khấu trái phiếu (không bao gồm trái phiếu phát hành để xây dựng cơ bản khi công trình chưa đi vào sử dụng).
- Phân bổ dần tiền lãi khi mua tài sản cố định trả chậm, trả góp.
- Chi phí tiền vay khi thuê tài sản cố định thuê tài chính.
- Chi phí cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Chi chiết khấu thanh toán cho người mua hàng.
- Lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí khác liên quan đến đầu tư ra ngoài doanh nghiệp...

Chi phí khác:

Phản ánh các khoản phát sinh do sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ(nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác....

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi lại từ các năm trước.

1.1.2.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần hàng bán} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$$

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

Kết quả hoạt động có thể xác định theo loại hoạt động chức năng, theo ngành hàng hoặc tính tổng quát. Kỳ báo cáo có thể là tháng, quý, 6 tháng hoặc năm tùy thuộc yêu cầu quản lý và chế độ kế toán hiện hành áp dụng tại doanh nghiệp.

Xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm xác định lãi, lỗ hay nói cách khác là xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp từ đó cung cấp thông tin ra bên ngoài và cho ban lãnh đạo nhằm có những bước đi hiệu quả trong thời gian tiếp theo. Thông qua việc xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp có thể biết được hiệu quả kinh doanh của mình, khả năng cạnh tranh của từng loại hàng hoá để có thể hoạch định các phương án kinh doanh có hiệu quả.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để đáp ứng các nhu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hoá, bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chủng loại, và giá trị.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi đôn đốc các khoản phải thu.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định đúng kết quả kinh doanh để cung cấp số liệu cho các bên liên quan, thu hút vốn đầu tư cho doanh nghiệp, giữ vững uy tín cho doanh nghiệp trong mối quan hệ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- + Hợp đồng mua bán
- + Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi, thẻ quầy hàng
- + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng.
- + Các chứng từ liên quan; Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

• Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế trong kỳ của doanh nghiệp và các khoản giảm doanh thu.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp theo phương pháp trực tiếp tính trên doanh số bán trong kỳ.
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu của hàng bán bị trả lại.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

Tài khoản 511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 5111 – “Doanh thu bán hàng hoá”

- TK 5112 – “Doanh thu bán các thành phẩm”
- TK 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”
- TK 5114 – “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”
- TK 5117 – “Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”
- TK 5118 – “Doanh thu khác”

TK 511 cũng có thể được chi tiết theo mặt hàng tiêu thụ để theo dõi doanh thu tiêu thụ từng loại mặt hàng của doanh nghiệp tùy mục đích sử dụng của doanh nghiệp.

● ***Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cung cấp của một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty. Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 512:

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán trả lại (theo giá tiêu thụ nội bộ), khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ trong kỳ, số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp của số hàng hoá tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có: Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 5121 – “Doanh thu bán hàng hoá”
- TK 5122 – “Doanh thu bán các thành phẩm”
- TK 5123 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

Khi sử dụng tài khoản này cần chú ý một số vấn đề sau:

- Tài khoản này chỉ sử dụng cho các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong một công ty hay tổng công ty nhằm phản ánh số doanh thu tiêu thụ nội bộ doanh nghiệp trong kỳ.

- Chỉ phản ánh vào tài khoản này số doanh thu của khối lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của các đơn vị thành viên cung cấp lẫn nhau.

- Không hạch toán vào tài khoản này các khoản doanh thu bán hàng cho các doanh nghiệp không trực thuộc công ty, tổng công ty.

● **Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”**

Dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 521:

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có: Kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

● **Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”**

Dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng lại bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Trị giá của số hàng bán bị trả lại bằng số lượng hàng bị trả lại nhân với đơn giá ghi trên hoá đơn khi bán.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 531:

Bên nợ: Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán ra.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 531 cuối kỳ không có số dư.

• **Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”**

Tài khoản này được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng trên giá bán đã thoả thuận vì các lý do chủ quan của doanh nghiệp (hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế).

Kết cấu và nội dung tài khoản 532:

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận cho người mua hàng, do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”.

TK 532 cuối kỳ không có số dư.

Chú ý: Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn.

• **Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”**

Tài khoản này có 9 tài khoản cấp 2. Trong đó để theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng 3 tài khoản cấp 2 gồm:

- Tài khoản 3331 – “Thuế GTGT phải nộp”
- Tài khoản 3332 – “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- Tài khoản 3333 – “Thuế xuất, nhập khẩu”

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 333

Bên nợ: Số thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước

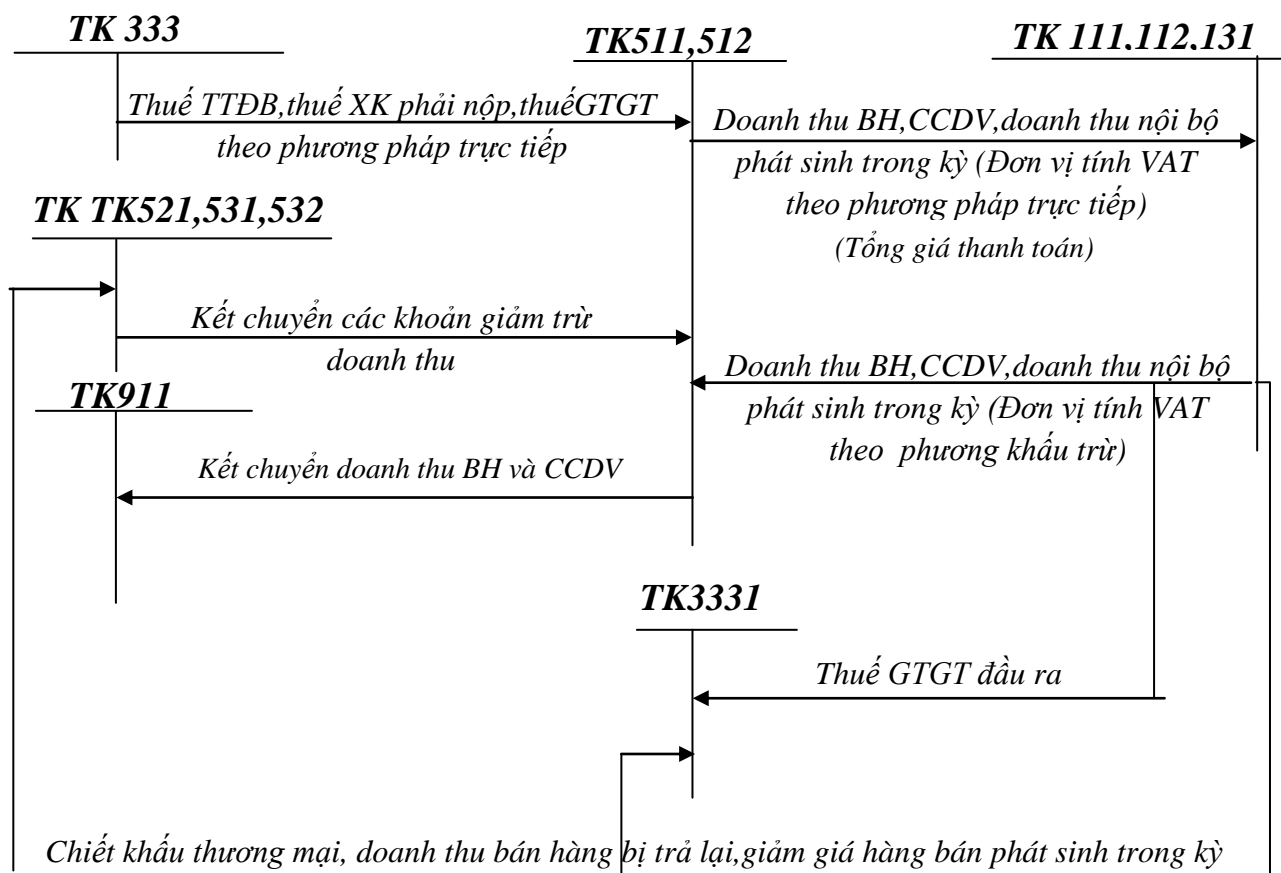
Bên có: Số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước

Dư bên có: Số thuế còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán

Theo chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho” – Ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Phương pháp giá thực tế đích danh: Áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Trị giá hàng xuất kho được xác định trên giá định khi xuất kho vật tư, hàng hóa thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập hàng hoá thuộc lô nào thì lấy đơn giá lô đó.

Phương pháp bình quân gia quyền: Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể

được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước, xuất trước: Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

Phương pháp nhập sau, xuất trước: Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó.

1.2.2.2 Chứng từ sử dụng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở để kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- + Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu 01-VT)
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03-VT)
- + Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01GTGT-322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng.

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”**

TK 632 được áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên và các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn của sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ.

Kết cấu tài khoản:

+ *Với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên:*

Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp theo hoá đơn trong kỳ.

- Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại nhập kho trong kỳ

- Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

+ *Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ:*

Bên nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành

Bên có:

- Kết chuyển vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK155 “Thành phẩm”

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK632 cuối kỳ không có số dư

+ *Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ:*

Kết cấu nội dung tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”

Bên nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ

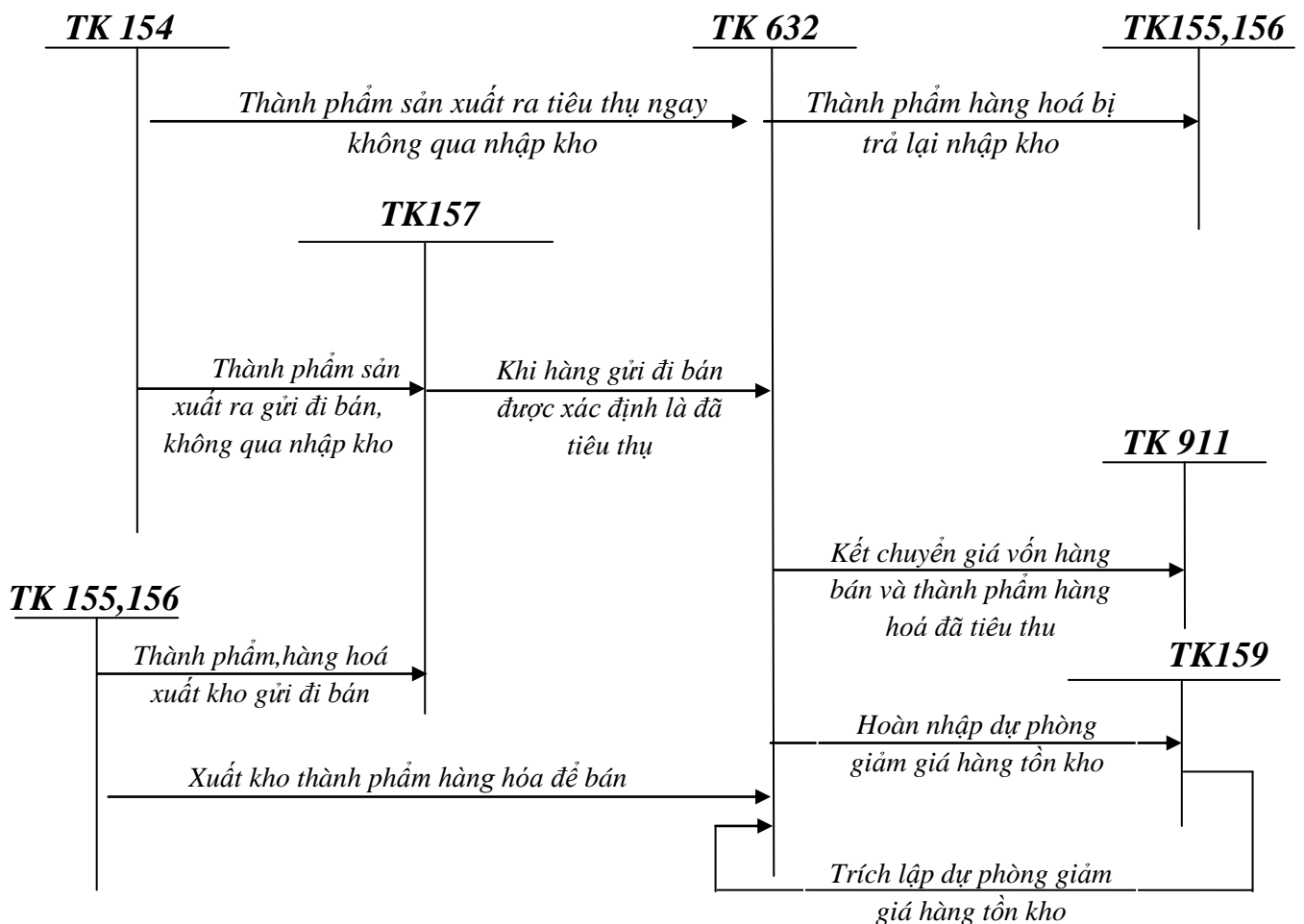
Bên có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK632
- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

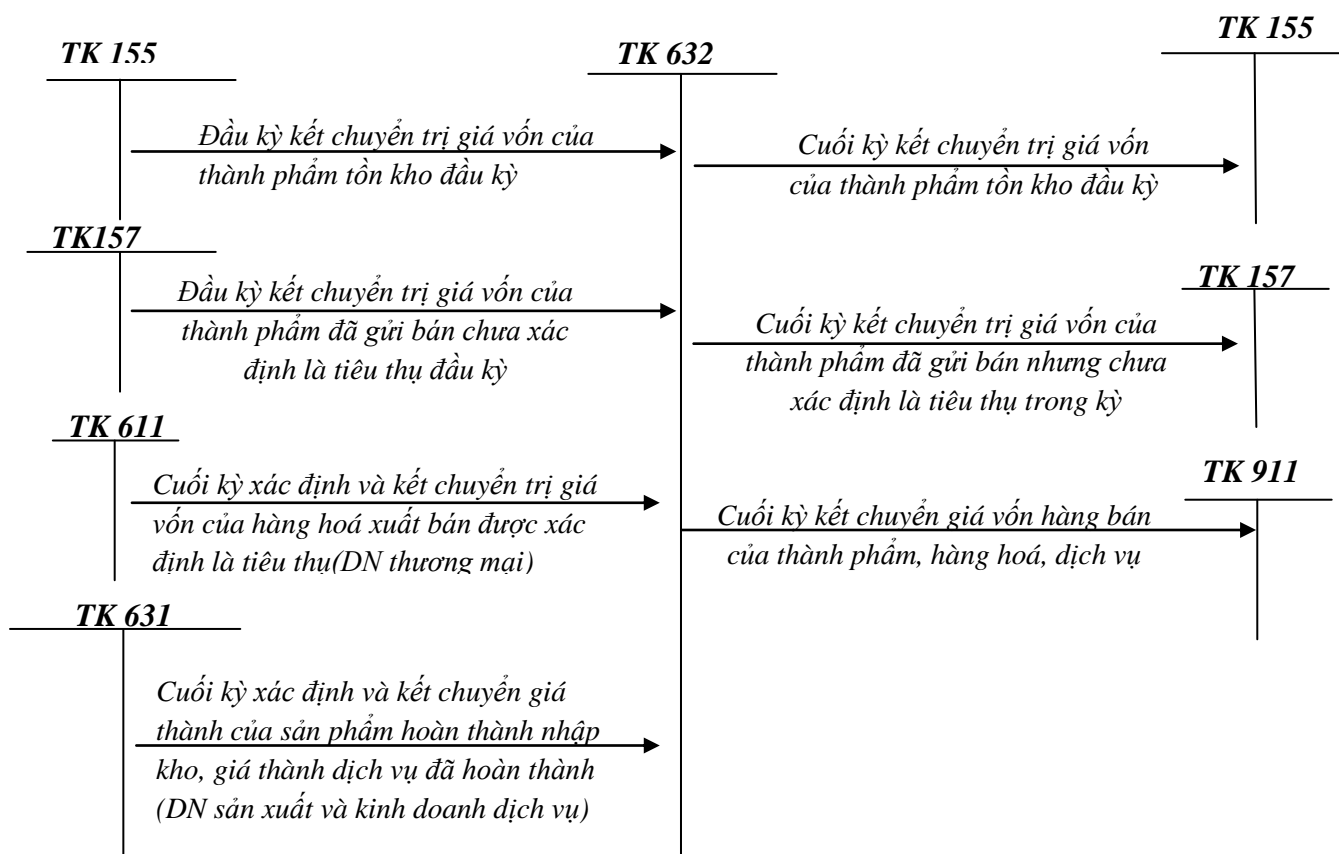
1.2.2.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng:

- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11- LĐTL)
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- + Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- + Giấy báo nợ của ngân hàng.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

• Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

Tài khoản 641 dùng để tập hợp và kết chuyển các chi phí bán hàng theo kỳ báo cáo và kỳ xác định kết quả kinh doanh. TK 641 phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ như chi phí bao gói, phân loại, chọn lọc, vận chuyển, bốc dỡ, giới thiệu, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, hoa hồng trả cho đại lý bán hàng...

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo các yếu tố chi phí sau:

- TK 6411 – “Chi phí nhân viên”
- TK 6412 – “Chi phí vật liệu, bao bì”
- TK 6413 – “Chi phí dụng cụ, đồ dùng”
- TK 6414 – “Chi phí khấu hao tài sản cố định”
- TK 6415 – “Chi phí bảo hành sản phẩm”
- TK 6417 – “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6418 – “Chi phí bằng tiền khác”

● **Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi chung cho quản lý văn phòng và các khoản chi kinh doanh không gắn được với các địa chỉ cụ thể trong cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: - Tập hợp toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
 - Số dư phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
 - Dự phòng trợ cấp mất việc.

Bên có: - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

TK 642 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như sau:

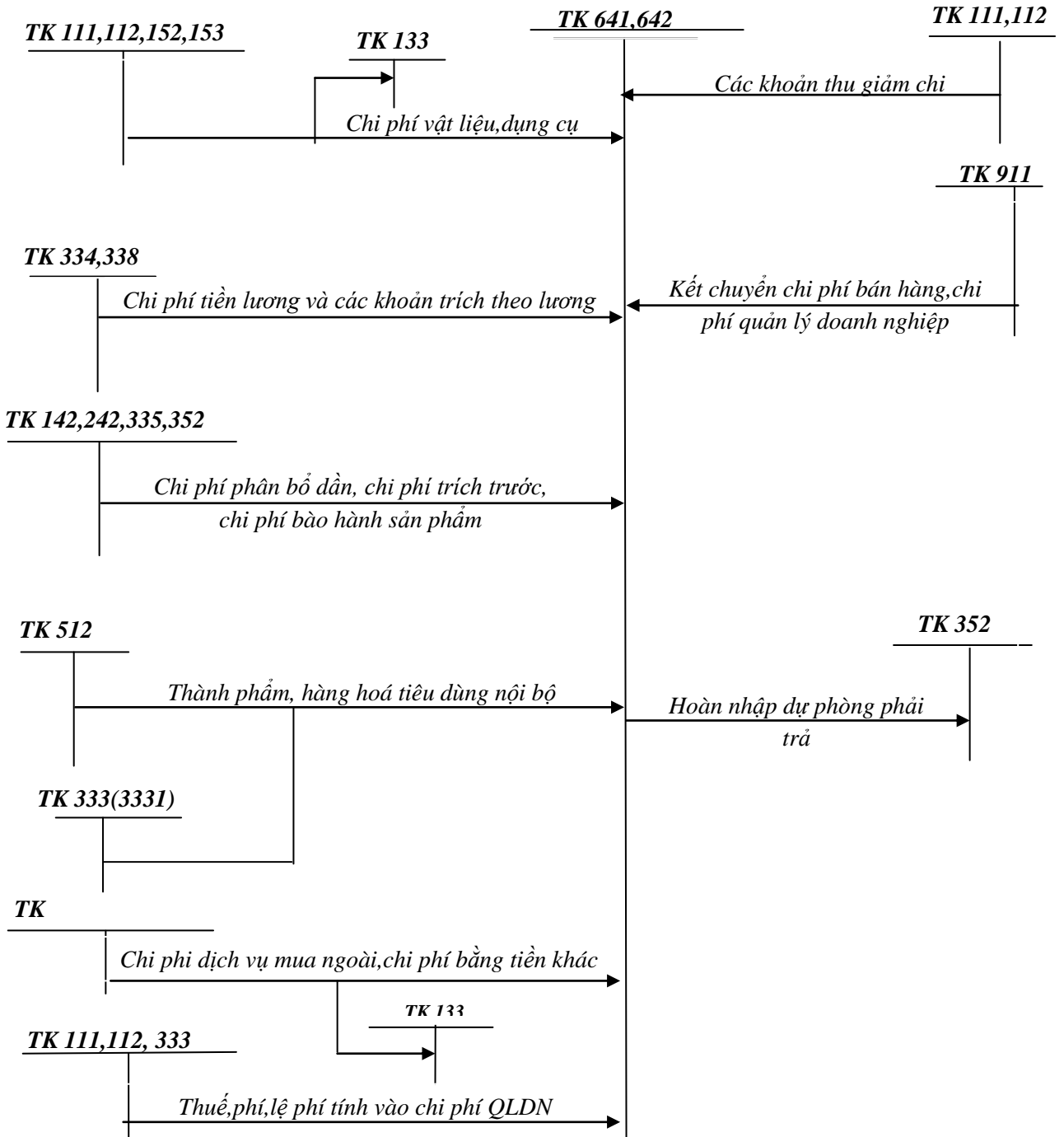
- TK 6421 – “Chi phí nhân viên quản lý”
- TK 6422 – “Chi phí vật liệu quản lý”
- TK 6423 – “Chi phí đồ dùng văn phòng”
- TK 6424 – “Chi phí khấu hao tài sản cố định”
- TK 6425 – “Thuế, phí và lệ phí”

- TK 6426 – “Chi phí dự phòng”
- TK 6427 – “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6428 – “Chi phí bằng tiền khác”

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4 : Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo Có, báo Nợ của Ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các hợp đồng vay vốn và các chứng từ khác liên quan...

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

• Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển, phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư

● **Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”**

Kết cấu tài khoản 635:

Bên nợ:

- Chi phí mua bán chứng khoán kể cả tổn thất trong đầu tư (nếu có)
- Lỗ do nhượng bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ.
- Phân bổ dần lỗ về chênh lệch tỷ giá hối đoái của giai đoạn xây dựng cơ bản trước khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.
- Lỗ liên doanh, lỗ chuyển nhượng vốn, lỗ thu hồi vốn.
- Chi phí về lãi tiền vay phải trả (không bao gồm lãi tiền vay dài hạn để xây dựng cơ bản khi công trình chưa đi vào sử dụng)
- Chi phí về lãi trái phiếu phát hành và phân bổ dần chiết khấu trái phiếu (không bao gồm trái phiếu phát hành để xây dựng cơ bản khi công trình chưa đi vào sử dụng)
- Phân bổ dần tiền lãi khi mua tài sản cố định trả chậm, trả góp.
- Chi phí tiền vay khi thuê tài sản cố định thuê tài chính.
- Chi phí cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Chi chiết khấu thanh toán cho người mua hàng.
- Lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí khác liên quan đến đầu tư ra ngoài doanh nghiệp...

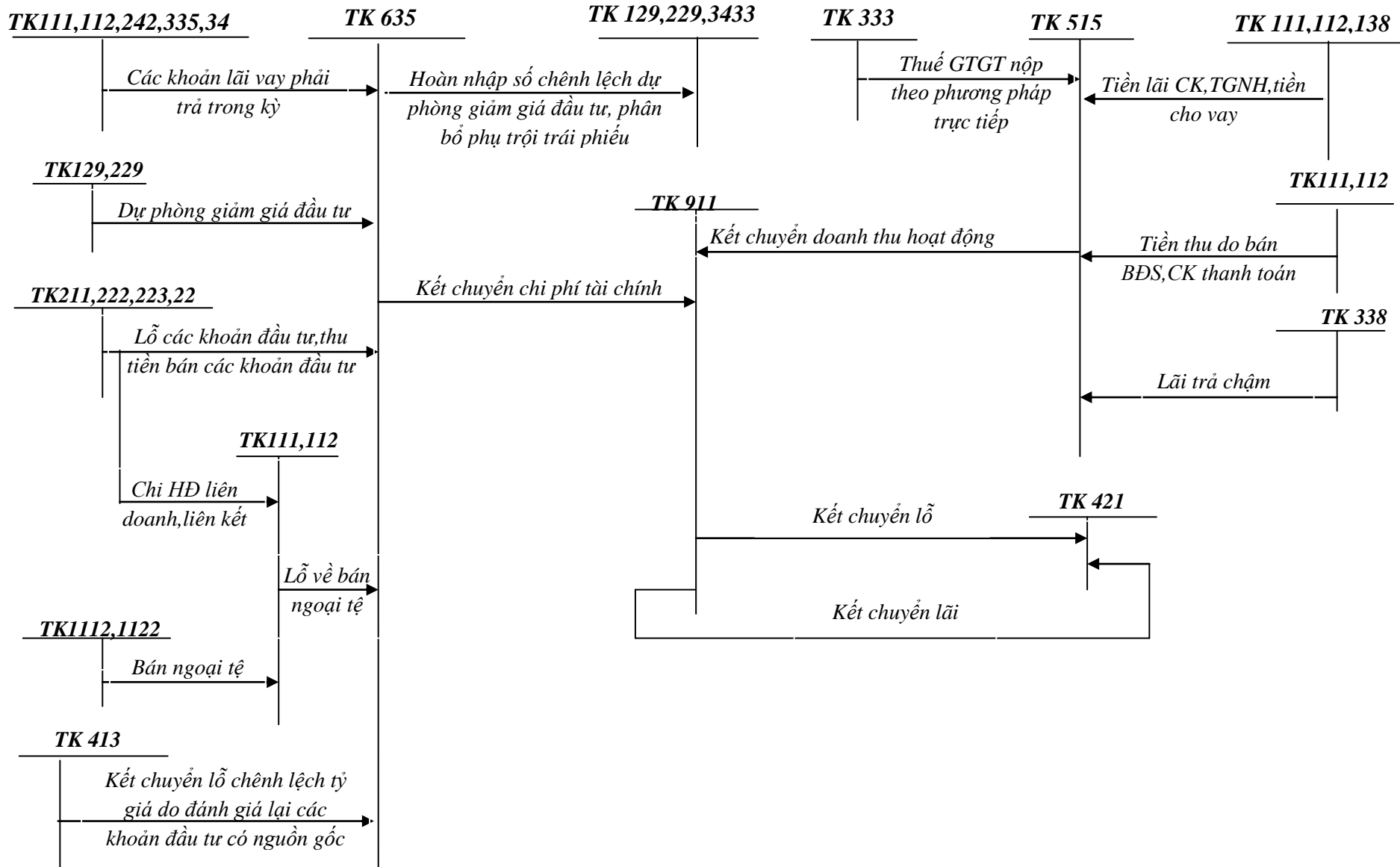
Bên có:

- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí tài chính trừ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5 : Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính



1.2.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

•Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Tài khoản 711 dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

•Tài khoản 811 “Chi phí khác”

Tài khoản 811 dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

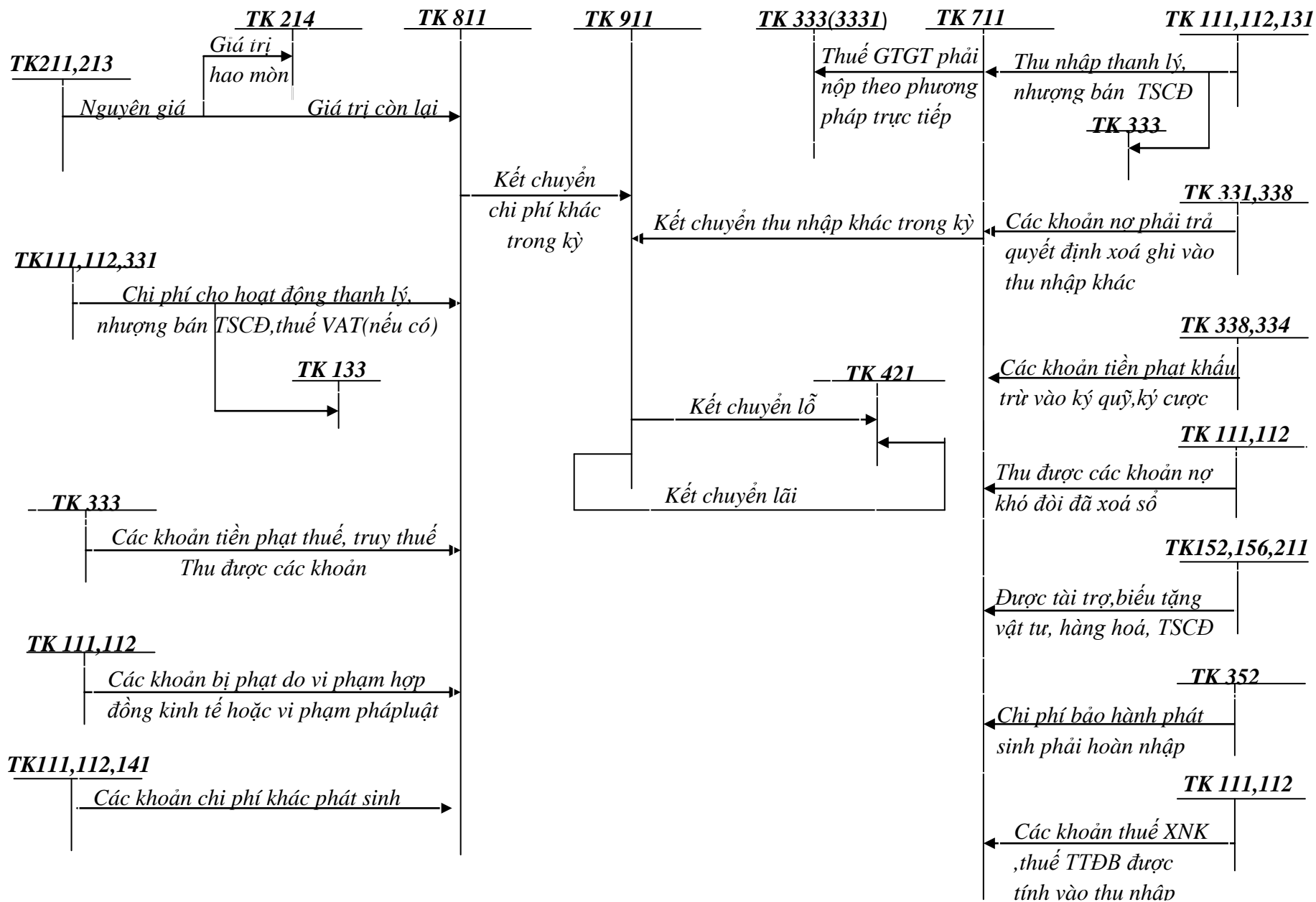
Bên có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác



1.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác...

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản xác định kết quả là TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Kết cấu TK911:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí khác
- Số lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp trong kỳ.

Bên có:

- Doanh thu thuần của số của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Số lỗ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”. Tài khoản này phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp phát sinh trong năm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu tài khoản 821:

Bên nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoàn lại phải trả.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Bên có:

-Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ và chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”: Tài khoản này phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN

Kết cấu tài khoản 421:

Bên nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh
- Nộp lợi nhuận cấp trên.

Bên có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có số dư nợ hoặc dư có:

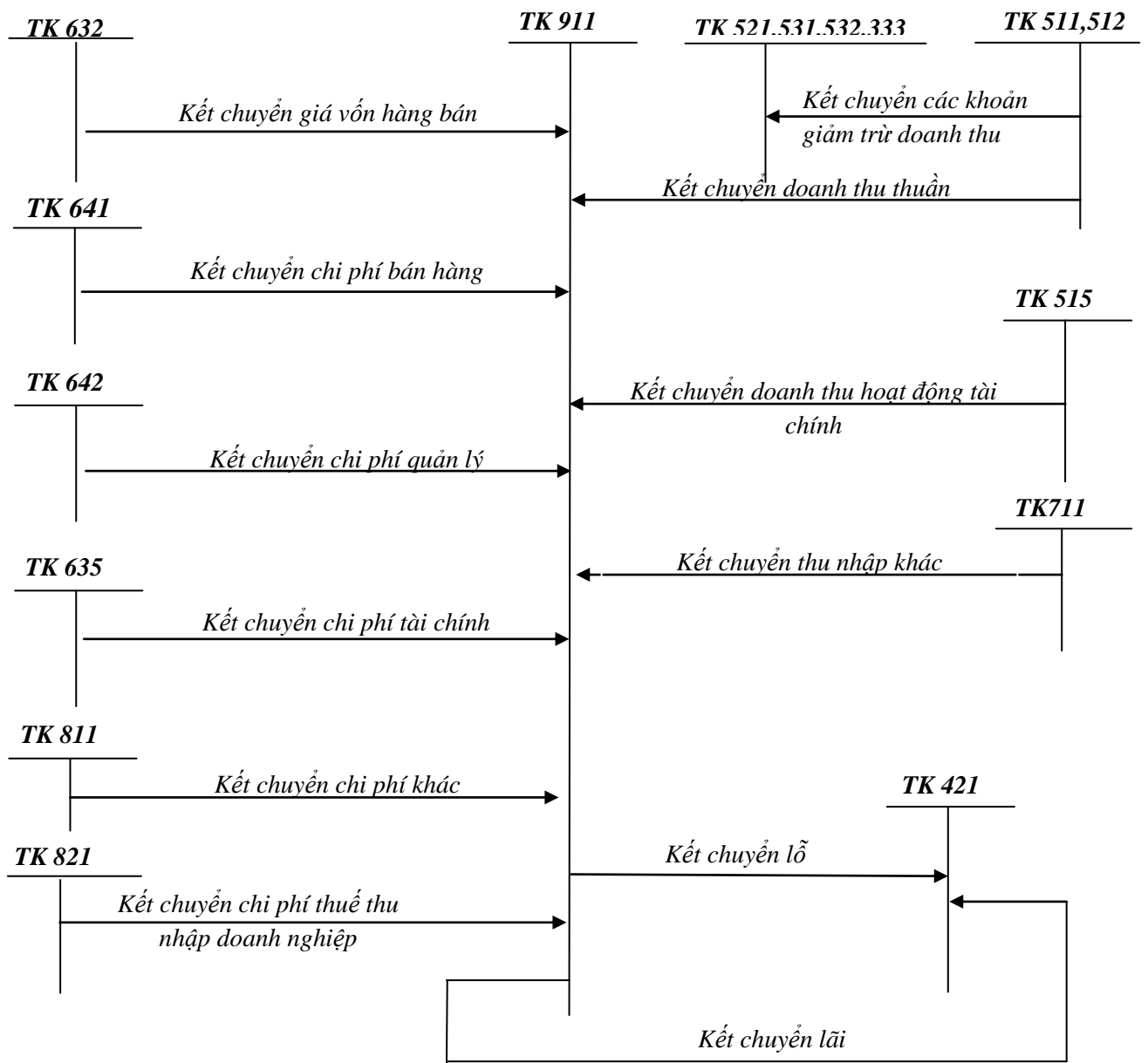
Số dư bên nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Số dư bên có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.5.3 Trình tự hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG THUY

2.1 Khái quát chung về Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Hoàng Thụy

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy được thành lập theo quyết định số 0202004394 do Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp ngày 25/01/2006.

- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY**
- Tên tiếng anh: **HOÀNG THUY CO.,LTD**
- Tên viết tắt: **HOÀNG THUY COMPANY LIMITED**
- Trụ sở: Số 117, Hoàng Quốc Việt, phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Mã số thuế: 0200724722
- Người đại diện: Hoàng Văn Thụy

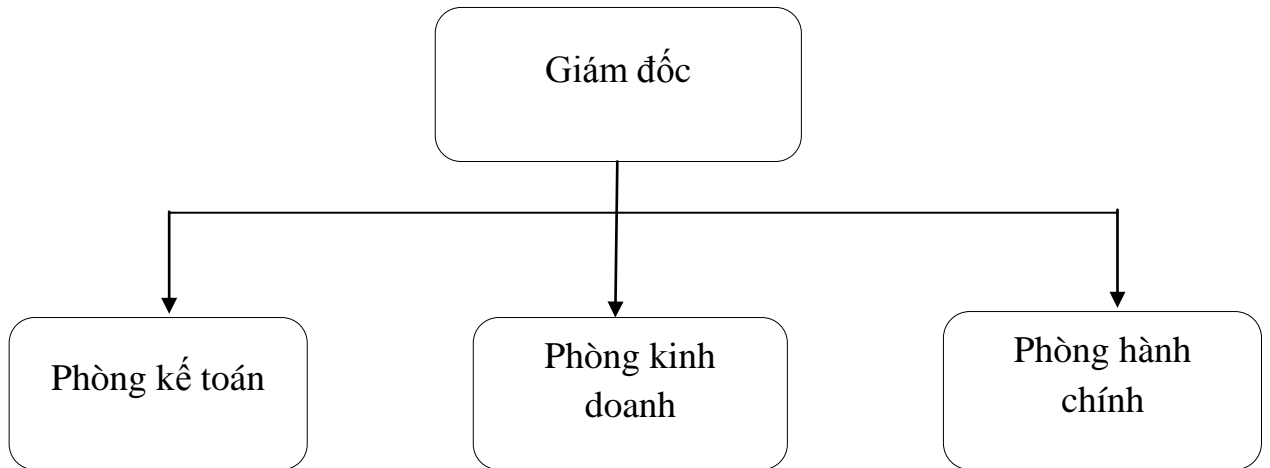
Ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH Hoàng Thụy có số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là vật liệu xây dựng, ô tô, vật tư, thiết bị, máy nổ, phụ tùng, kim khí, hoá chất thông thường, vật liệu điện, nhựa đường, nhựa thông, sắt thép, xăng dầu, mỡ, chất đốt than mỏ, lương thực, thực phẩm, nông - lâm- thủy- hải sản, vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách thủy- bộ- đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, san lấp mặt bằng./

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hoàng Thụy

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hoàng Thụy được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hoàng Thụy



- Giám đốc: Là người có quyền lực cao nhất, chịu mọi trách nhiệm với Nhà nước cũng như tập thể cán bộ công nhân viên trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

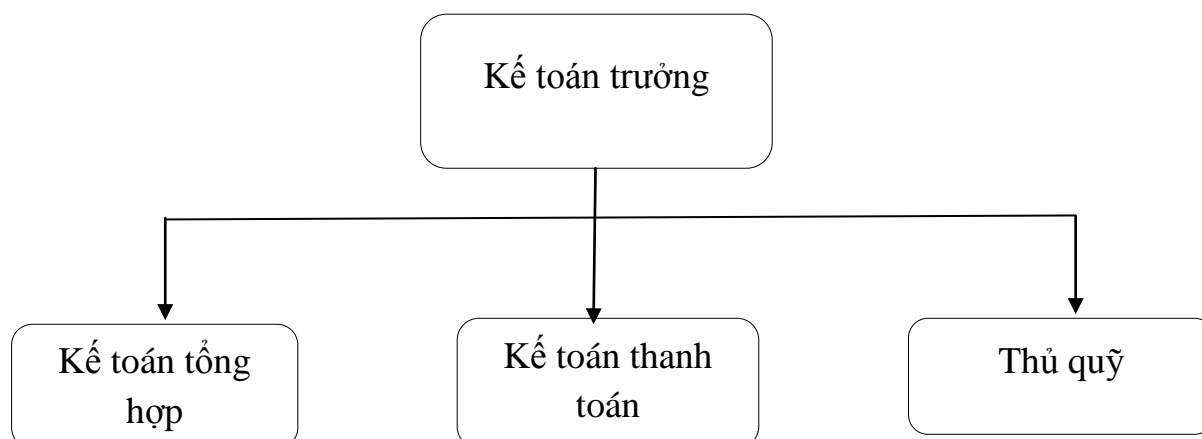
- Phòng hành chính nhân sự: Dưới sự điều hành của Giám đốc tiếp nhận, tuyển dụng lao động, là nơi giải quyết các chế độ chính sách và phúc lợi có liên quan tới lợi ích của người lao động và cán bộ nhân viên toàn công ty.

- Phòng kế toán: Tham mưu giúp Giám đốc về quản lý hoạt động tài chính, hạch toán kinh tế, hạch toán kế toán toàn Công ty. Quản lý, kiểm soát các thủ tục thanh toán, hạch toán đề xuất các biện pháp giúp công ty thực hiện các mục tiêu kinh tế tài chính.

- Phòng kinh doanh: Tham mưu cho Giám đốc về chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn phù hợp với nền kinh tế thị trường. Tổng hợp chính xác, kịp thời, tổng quát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để xây dựng kế hoạch và lập các báo cáo định kỳ theo kế hoạch quy định.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Hoàng Thủy

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH Hoàng Thủy

Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán, cụ thể:

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.

Kế toán tổng hợp: Lập các chứng từ ban đầu, các chứng từ ghi sổ chi tiết. Cập nhật chứng từ vào sổ chi tiết theo quy định.

Kế toán thanh toán: Theo dõi vốn bằng tiền các loại. Theo dõi và đối chiếu thanh toán tiền hàng với từng đối tượng mua bán hàng hoá của công ty. Hàng ngày báo cáo số dư tiền gửi và lập kế hoạch vay, trả nợ ngân hàng cũng như khách hàng.

Thủ quỹ: Quản lý quỹ tiền mặt, thực hiện các nhiệm vụ thu chi theo chế độ quy định. Lập sổ và báo cáo quỹ hàng tháng, kiểm kê và đối chiếu sổ quỹ với kế toán chi tiết vào cuối mỗi tháng.

2.1.3.1 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo QĐ số 48/2006 ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.3.3 Tổ chức hệ thống kế toán sổ tại Công ty

- Niên độ kế toán: Công ty áp dụng kỳ kế toán năm là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12/ năm Dương lịch.

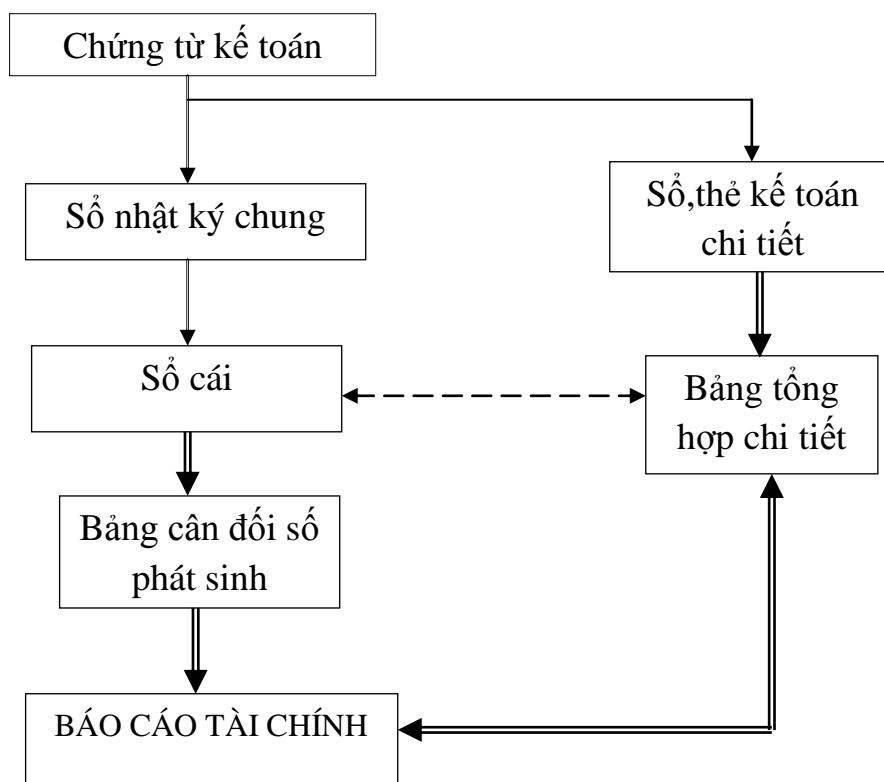
- Áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Kê khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

- Đơn vị tiền tệ sử dụng là: đồng Việt Nam

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <- ->

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống báo cáo tại Công ty

Để cung cấp thông tin kế toán cho yêu cầu quản lý nội bộ và cho các cơ quan chức năng, công ty thiết lập hệ thống báo cáo gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (B01- DNN)
- + Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (B02 – DNN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 – DNN) Không bắt buộc
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (B09 – DNN)

Ngoài ra, công ty còn lập thêm:

- Bảng cân đối kế toán (F01- DNN)

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Hoàng Thuy

Công ty hiện đang kinh doanh các loại sắt thép. Đây là mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty được dùng phục vụ cho tiêu dùng xây dựng nhà cửa, các công trình kiến trúc của toàn dân và xã hội. Doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu bán hàng hoá như sắt thép xây dựng.

2.2.1.1 Chứng từ và các tài khoản sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

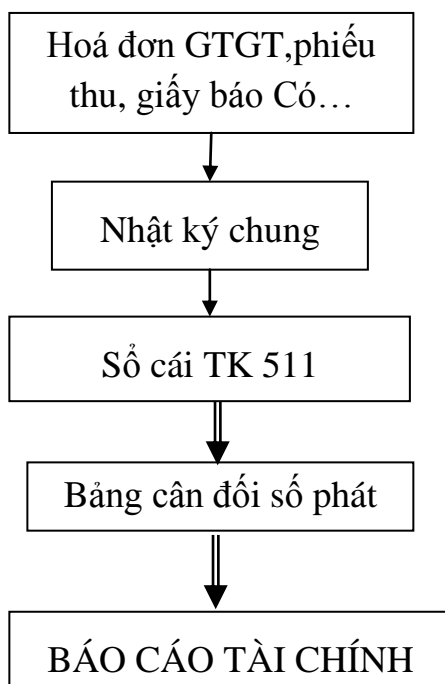
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có, hợp đồng mua bán...
- Các chứng từ liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

- + Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- + Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”
 - Tài khoản 3331 “Thuế giá trị gia tăng phải nộp”
- + Tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng”
- + Tài khoản 111 “Tiền mặt”
- + Tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng”

2.2.1.2 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung.

Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511.

Ví dụ: Ngày 03/12/2011 bán thép cuộn fi 6,8 cho Công ty TNHH Nhật Phát

Căn cứ vào hoá đơn GTGT (biểu 2.1) kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung (biểu 2.2). Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu 2.3)

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT – 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/11P		
Liên 3: Nội bộ			0000312		
Ngày 03 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY					
Địa chỉ : Số 117, Hoàng Quốc Việt, P. Ngọc Sơn, Q.Kiến An- HP					
Số tài khoản: 2898195					
Điện thoại:.....MST: 0200724722					
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nhật Phát					
Địa chỉ: 131- Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK MST:0200666816					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép cuộn φ6,8	Kg	1.560	12.364	19.287.840
Cộng tiền hàng:					19.287.840
Thuế suất GTGT 10%			Tiền thuế GTGT:		1.928.784
Tổng cộng tiền thanh toán:					21.216.624
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi một triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.1: Hoá đơn giá trị gia tăng đầu ra

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt- Ngọc Sơn- Kiên An-HP

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1/12/2011	HĐ311	1/12/2011	Bán thép cuộn ,cây	131 511 3331	298.007.017	270.915.470 27.091.547
1/12/2011	PC01/12	1/12/2011	Trả tiền mua xăng dầu cho xe ô tô	6421 6422 133 111	5.309.144 2.139.490 709.863	8.158.497
					
3/12/2011	PT01/12	3/12/2011	Thu tiền bán thép cuộn, cây	111 511 3331	2.232.251	2.938.410 293.841
3/12/2011	HĐ312	3/12/2011	Bán thép cuộn fi 6,8	131 511 3331	21.216.624	19.287.840 1.928.784
					
21/12/2011	PC09/12	21/12/2011	Nộp tiền vào TK ngân hàng VP Bank KA	112 111	350.000.000	350.000.000
					
23/12/2011	PC10/12	23/12/2011	Nộp tiền vào TK ngân hàng VP Bank KA	112 111	300.000.000	300.000.000
					
26/12/2011	PT58/12	26/12/2011	Thu tiền bán thép cây	111 511 3331	16.779.668	15.254.244 1.525.424
					
			Cộng số phát sinh		22.017.444.128	22.017.444.128

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.2: Trích Nhật ký chung tháng 12/2011

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4			
1/12/2011	HĐ311	1/12/2011	Bán thép cuộn cây	131		270.915.470
3/12/2011	HD312	3/12/2011	Bán thép cuộn fi 6,8	131		19.287.840
4/12/2011	PT04/12	4/12/2011	Thu tiền bán thép cây	111		18.171.000
					
20/12/2011	PT55/12	20/12/2011	Thu tiền bán thép cây	111		17.681.400
					
31/12/2011	PKT01/12	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu quý 4	911	2.754.386.302	
			Cộng số phát sinh quý 4		2.754.386.302	2.754.386.302

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.3: Trích Sổ cái tài khoản 511 tháng 12/2011

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Hoàng Thuy

Quá trình ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng hoá luôn được kế toán theo dõi, đánh giá về chỉ tiêu số lượng lẫn chỉ tiêu giá trị nhằm cung cấp thông tin chính xác về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá cho nhà quản lý.

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu xuất kho
- + Các chứng từ thanh toán liên quan như: Phiếu chi, uỷ nhiệm chi

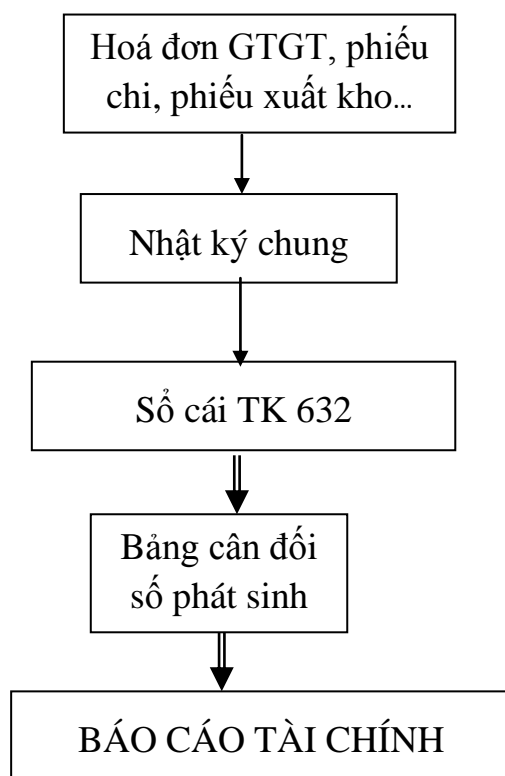
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

- + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- + Tài khoản 156: Hàng hoá

2.2.2.3 Trình tự hạch toán

Giá vốn hàng hoá của công ty tính theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước. Phương pháp này phù hợp với quá trình hoạt động của công ty, đảm bảo kịp thời thông tin kinh tế.

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán giá vốn tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —→

Ghi cuối tháng: ==>

Ví dụ: Ngày 03/12/2011 Xuất hàng theo hoá đơn 312

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán viết phiếu xuất kho (biểu 2.4) và ghi vào Sổ nhật ký chung (biểu 2.5). Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK632 (biểu 2.6)

Đơn vị: Cty TNHH Hoàng Thụy
Địa chỉ: 117, Hoàng Quốc Việt, Ngọc Sơn

Mẫu số 02-VT
Theo QĐ: 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2011

Số: 79/12

Nợ: 632

Có: 156

Tên công ty/ bộ phận: Cty TNHH Nhật Phát

Người nhận hàng:..... Địa chỉ: 131-Trần Nguyễn Hãn-Lê Chân- Hải Phòng

Lý do xuất kho: Xuất hàng theo hoá đơn

03/12/2011

Xuất tại kho: Kho VTHH

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo HĐ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép fi6-fi8	D6-D8	KG	1.560	1.560	11.897	18.558.855
	Cộng			1.560	1.560		18.558.855

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi năm đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Ngày 03 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4: Phiếu xuất kho

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
01/12/2011	PC01/12	01/12 /2011	Trả tiền mua xăng dầu cho xe ô tô	6421 6422 133 111	5.309.144 2.139.490 709.863	8.158.497
01/12/2011	PN01/12	01/12 /2011	Nhập thép cuộn fi 6,8	156 133 331	139.983.900 13.998.390	153.982.290
					
03/12/2011	PT01/12	03/12 /2011	Thu tiền bán thép cuộn, cây	111 511 3331	2.232.251	2.938.410 293.841
03/12/2011	PT01/12	03/12 /2011	Thu tiền bán thép cuộn, cây	111 511 3331	19.991.675	18.174.250 1.817.425
					
03/12/2011	PX79/12	03/12 /2011	Xuất hàng theo hoá đơn PKT312	632 156	18.558.855	18.558.855
					
23/12/2011	PC10/12	23/12 /2011	Nộp tiền vào TK ngân hàng VP Bank KA	112 111	300.000.000	300.000.000
					
26/12/2011	PT58/12	26/12 /2011	Thu tiền bán thép cây	111 511 3331	16.779.668	15.254.244 1.525.424
					
			Cộng số phát sinh		22.017.444.128	22.017.444.128

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.5: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12/2011

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4			
3/12/2011	PX02/12	3/12/2011	Xuất hàng hoá theo hoá đơn 291	156	3.057.985	
					
8/12/2011	PX79/12	8/12/2011	Xuất hàng theo hoá đơn 312	156	18.558.855	
					
12/12/2011	PX90/12	12/12/2011	Xuất hàng theo hoá đơn 342	156	17.242.624	
31/12/2011	PKT02/12	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn	911		1.989.868.238
					
			Cộng số phát sinh quý 4		1.989.868.238	1.989.868.238

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.6: Trích sổ cái tài khoản 632 tháng 12/2011

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn giá trị gia tăng
- + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng...
- + Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương.
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”. Công ty dùng tài khoản này để phản ánh các loại chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp với 2 tài khoản cấp 2:

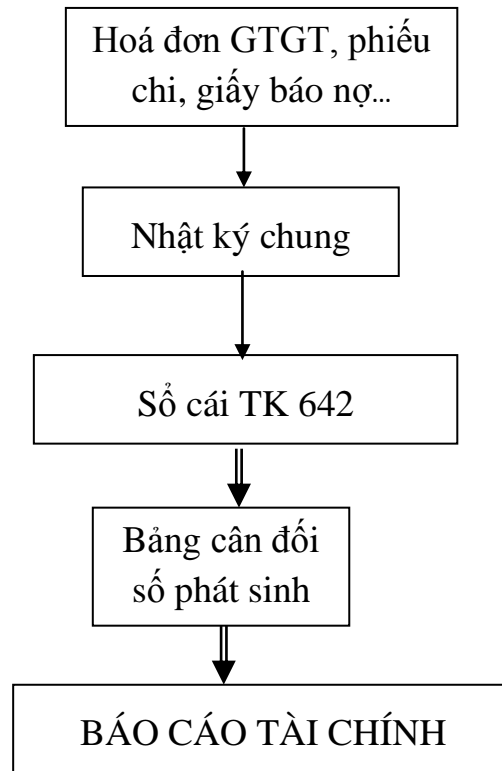
Tài khoản 6421- Chi phí bán hàng: Dùng để tập hợp toàn bộ chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ trong kỳ của công ty và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp. Dùng để phản ánh các chi phí chung của công ty phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

2.2.3.3 Trình tự hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc (Phiếu chi, giấy báo nợ, hoá đơn GTGT...) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK642

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —→

Ghi cuối tháng: ==>

Ví dụ: Ngày 11 tháng 12. Công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011

Căn cứ vào Hoá đơn dịch vụ viễn thông (biểu 2.7) kế toán tiến hành lập phiếu chi (biểu 2.8) và vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.9). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK642 (biểu 2.10)

VNPT
Cuộc sống đích thực

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001
Ký hiệu(Serial No):AA/12P
Số (No): 1122815

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication): Hải phòng-TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Thụy

Địa chỉ: 117, Hoàng Quốc Việt, Ngọc Sơn

Số điện thoại: 3676099

Mã số: HPG-02-002317 (H-KAN-04)

Hình thức thanh toán: TM/CK

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=5x4
	Kỳ cước tháng:11/2011				
	a. Cước dịch vụ Viễn thông				888.832
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
	(a+b+c+d)		Cộng tiền dịch vụ (Total) (1)		888.832
	Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1)		Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2)		88.883
	(1+2+e)		Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2)		977.715

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm mười năm đồng

Biểu 2.7: Hoá đơn dịch vụ viễn thông

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

Mẫu số: 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 01

Số: 02/12

Nợ : 6422

Nợ : 133

Có : 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Vinh

Địa chỉ: Công ty TNHH Hoàng Thụy

Lý do chi: Trả tiền điện thoại tháng 11/2011

Số tiền: 977.715

Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm mười năm đồng.

Kèm theo:chứng từ gốc.

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.8: Phiếu chi

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

Mẫu số: S03a – DNN

117 Hoàng Quốc Việt- Ngọc Sơn- Kiến An- HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
11/12/2011	PC02/12	11/12/2011	Trả tiền điện thoại tháng 11/2011	6422 133 111	888.832 88.883	977.715
23/12/2011	PC10/12	23/12/2011	Nộp tiền vào TK ngân hàng VP Bank KA	112 111	300.000.000	300.000.000
					
26/12/2011	PT58/12	26/12/2011	Thu tiền bán thép cây	111 511 3331	16.779.668	15.254.244 1.525.424
					
31/12/2011	PC03/12	31/12/2011	Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên	334 111	21.300.000	21.300.000
31/12/2011	PBKHT12	31/12/2011	Tính khấu hao TSCĐ vào chi phí tháng 12	6421 6422 214	3.689.000 2.060.606	5.750.189
					
			Cộng số phát sinh		22.017.444.128	22.017.444.128

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.9: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2011

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đồi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý 4			
					
11/12/2011	PC02/12	11/12 /2011	Trả tiền điện thoại tháng 11/2011	111	888.832	
					
17/12/2011	PC07/12	17/12 /2011	Trả tiền đăng kiểm cho xe ô tô 16H-7072	111	300.000	
					
31/12/2011	PBLT12	31/12 /2011	Lương cán bộ CNV tháng 12/2011	334	13.600.000	
31/12/2011	PBKHT12	31/12 /2011	Trích khấu hao TSCĐ tính vào tháng 12/2011	214	2.020.833	
					
31/12/2011	PKT03/12	31/12 /2011	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911		24.832.416
			Cộng số phát sinh quý 4		24.832.416	24.832.416

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.10: Trích Sổ cái tài khoản 642 tháng 12/2011

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

Giấy báo Nợ, giấy báo Có và các chứng từ liên quan

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

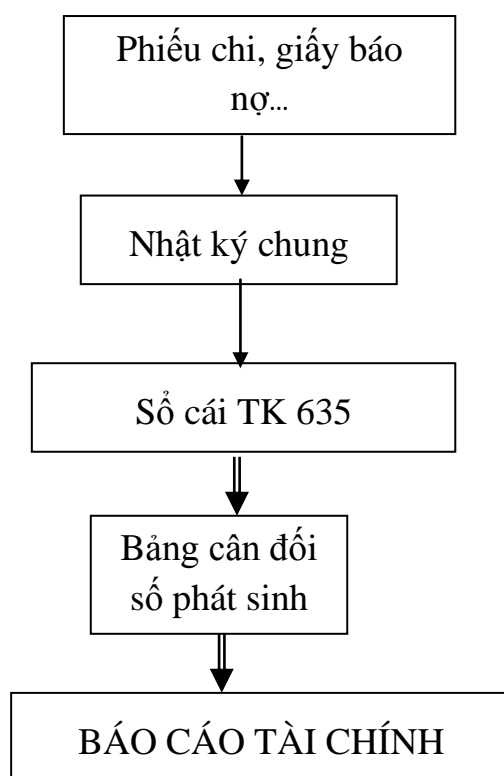
Công ty không sử dụng tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” để hạch toán lãi tiền gửi ngân hàng mà hạch toán vào tài khoản 711 “Thu nhập khác” (Vấn đề này em đã trình bày ở kiến nghị 2 trong chương 3)

Đối với khoản trả lãi ngân hàng được kế toán theo dõi, hạch toán trên tài khoản 635 “Chi phí hoạt động tài chính”

2.2.4.3 Trình tự hạch toán

Cuối tháng căn cứ vào giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng, kế toán vào Sổ nhật ký chung, sau đó vào Sổ cái TK635

Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng : ==>

Ví dụ: Ngày 15/12/2011 Thanh toán lãi vay cho ngân hàng VP Bank Kiên An với số tiền là 16.775.000

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu 2.11) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.12) và sổ cái tài khoản 635 (biểu 2.13)

VPBank Kien An GIAY BAO NO So chung tu: LD1013000024

Ma so thue:0100233583-004

Ngày: 2011-12-15

So tai khoan:

2898195

Nguyen te:VND

Ten tai khoan:

180671 / CONG TY TNHH HOANG THUY

Noi dung:

So tien : 16.775.000

Thanh toan lai

So tien bang chu :

Muoi Sau Trieu Bay Tram Bay Muoi Nam Nghin dong chan

Lap phieu

Kiem soat

Biểu 2.11: Giấy báo Nợ - Ngân hàng VPBank –Kiến An

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
01/12/2011	HĐ311	01/12/2011	Bán thép cuộn ,cây	131 511 3331	298.007.017	270.915.470 27.091.547
01/12/2011	PC01/12	01/12/2011	Trả tiền mua xăng dầu cho xe ô tô	6421 6422 133 111	5.309.144 2.139.490 709.863	8.158.497
					
03/12/2011	PT01/12	03/12/2011	Thu tiền bán thép cuộn, cây	111 511 3331	2.232.251	2.938.410 293.841
03/12/2011	HĐ312	03/12/2011	Bán thép cuộn fi6,8	131 511 3331	21.216.624	19.287.840 1.928.740
					
15/12/2011	BN15/12	15/12/2011	Thanh toán lãi vay cho ngân hàng VP Banks KA	635 112	16.775.000	16.775.000
					
26/12/2011	PT58/12	26/12/2011	Thu tiền bán thép cây	111 511 3331	16.779.668	15.254.244 1.525.424
					
			Cộng số phát sinh		22.017.444.128	22.017.444.128

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.12: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12/2011

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 635

Tên tài khoản: Lãi vay phải trả

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý 4			
					
15/12/2011	BN15/12	15/12 /2011	Thanh toán lãi vay cho ngân hàng VP Banks Kiến An	112	16.775.000	
					
31/12/2011	PKT04/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài	911		34.970.833
		/2011	chính quý 4			
			Cộng số phát sinh quý 4		34.970.833	34.970.833

Ngày... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.13: Trích Sổ cái tài khoản 635 tháng 12/ 2011

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.....

2.2.5.2 Tài khoản sử dụng

- Đối với các khoản thu nhập khác, kế toán phản ánh trên TK711 “Thu nhập khác”
- Đối với các khoản chi phí khác, kế toán phản ánh trên TK811 “Chi phí khác”.

Tháng 12/ 2011 Doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới tài khoản 811“Chi phí khác”

2.5.2.3 Trình tự hạch toán

Ví dụ: Ngày 31/12/2011 Lãi tiền gửi ngân hàng VP Banks Kiến An tháng 12/2011. Kế toán căn cứ vào Giấy báo Có (biểu 2.14) để ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.15) và Sổ cái tài khoản 711(biểu 2.16)

GIẤY BÁO CÓ

VPBank Kiến An	Số chứng từ: 2898195-20111231
Mã số thuế: 0100233583-004	Ngày: 2011-12-31
Số tài khoản: 2898195	Nguyên tệ: VND
Tên tài khoản: 180671/ Công Ty TNHH HOÀNG THUY	
Nội dung	Số tiền: 692.695

Hạch toán lãi

Số tiền bằng chữ:

Sáu trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi năm đồng chẵn./

Lập phiếu

Kiểm soát

Biểu 2.14: Giấy báo Có – Ngân hàng VPBank-Kiến An

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
30/12/2011	BN13/12	30/12 /2011	Thu phí SMS tháng 12/2011	6422 112	9.900	9.900
31/12/2011	BC31/12	31/12 /2011	Lãi tiền gửi ngân hàng VP Banks Kiến An tháng 12/2011	112 711	692.695	692.695
31/12/2011	PBLT12	31/12 /2011	Lương CBCNV công ty tháng 12/2011	6421 6422 334	13.600.000 7.700.000	21.300.000
					
31/12/2011	PBKHT12	31/12 /2011	Tính khấu hao TSCĐ vào chi phí tháng 12/ 2011	6421 6422 214	3.689.000 2.060.606	5.750.189
					
			Cộng số phát sinh		22.017.444.128	22.017.444.128

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

Kê toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.15: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12/2011

CÔNG TY TNHH HOÀNG THỤY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 711

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh tháng 12			
31/12/2011	BC31/12	31/12/2011	Lãi tiền gửi ngân hàng VP Banks Kiến An tháng 12/2011	112		692.695
					
31/12/2011	PKT05/12	31/12/2011	K/c thu nhập khác quý 4	911	19.786.823	
			Cộng số phát sinh quý 4		19.786.823	19.786.823

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.16: Trích Sổ cái tài khoản 711 tháng 12/2011

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Thụy

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác trong doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

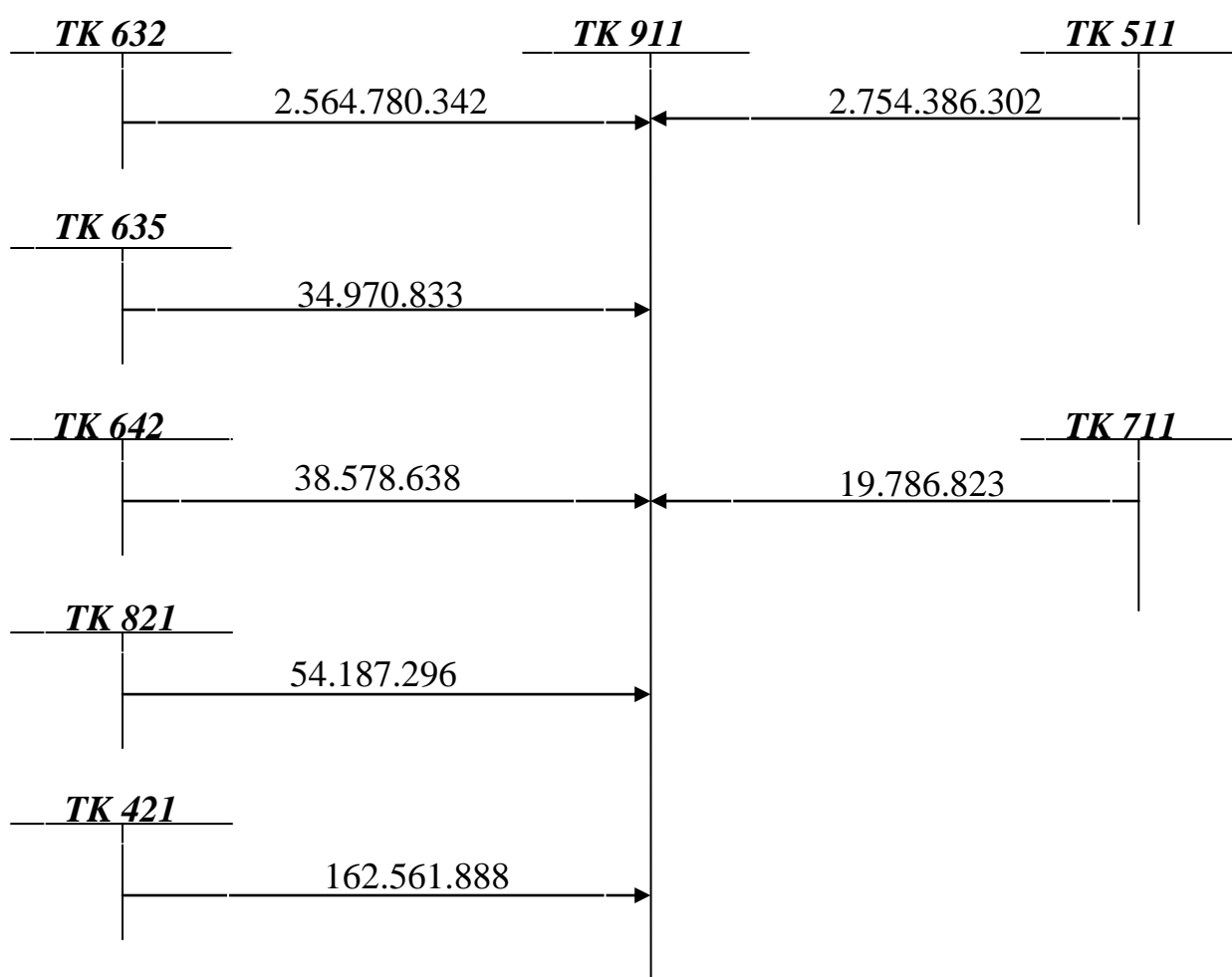
2.6.2.2 Tài khoản sử dụng

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Các tài khoản khác có liên quan như: TK 511, TK 632, TK 635, TK641, TK 642, TK 711, TK 811, TK421, TK821

Quý IV/2011, kết quả kinh doanh của Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.8:

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh quý 4



**Các bút toán kết chuyển*

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 01/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần quý 4	511	911	2.754.386.302
	Tổng cộng			2.754.386.302

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 02/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	632	2.564.780.342
	Tổng cộng			2.564.780.342

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 03/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911	642	38.596.638
	Tổng cộng			38.596.638

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 04/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	34.970.833
	Tổng cộng			34.970.833

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 05/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thu nhập khác quý 4	711	911	19.786.823
	Tổng cộng			19.786.823

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 06/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý 4	821	3334	54.187.296
	Tổng cộng			54.187.296

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 07/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4	911	821	54.187.296
	Tổng cộng			54.187.296

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 08/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế quý 4	911	421	162.561.888
	Tổng cộng			162.561.888

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12/2011	PKT01/12	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu thuần	511		2.754.386.302
31/12/2011	PKT02/12	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	2.564.780.342	
31/12/2011	PKT03/12	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	38.578.638	
31/12/2011	PKT04/12	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính	635	34.970.833	
31/12/2011	PKT06/12	31/12/2011	Kết chuyển thu nhập khác	711		692.695
31/12/2011	PKT07/12	31/12/2011	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	821	54.187.296	
31/12/2011	PKT08/12	31/12/2011	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	162.561.888	
			Cộng số phát sinh		2.755.078.997	2.755.078.997

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.17: Trích Sổ cái tài khoản 911 tháng 12/2011

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 821

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4			
31/12/2011	PKT06/12	31/12 /2011	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	54.187.296	
31/12/2011	PKT07/12	31/12 /2011	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành	911		54.187.296
			Cộng số phát sinh quý 4		54.187.296	54.187.296

Biểu 2.18: Trích sổ cái tài khoản 821 tháng 12/2011

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Số hiệu: 421

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			98.784.873
			Phát sinh quý 4			
31/12/2011	PKT08/12	31/12/2011	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		162.561.888
			.Cộng số phát sinh quý 4			162.561.888
			Số dư cuối kỳ			261.346.761

Biểu 2.19: Trích sổ cái tài khoản 421 tháng 12/2011

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆNCÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG THUY

3.1. Đánh giá thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thụy.

3.1.1. Những ưu điểm

Qua những phân tích và nhận xét về tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty như trên ta có thể thấy công ty đã vận dụng khá tốt các chuẩn mực và chế độ kế toán của nước ta. Công ty TNHH Hoàng Thụy đã từng bước thực hiện mô hình quản lý, hạch toán khoa học phù hợp với lĩnh vực hoạt động cũng như quy mô kinh doanh giúp cho công ty ngày càng ổn định về tài chính, đứng vững trên thị trường. Nhờ vậy, trong những năm qua công ty đã liên tục đạt được nhiều thành công.

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với quy mô kinh doanh, các bộ phận chuyên trách được chia thành các phòng ban chức năng khác nhau để quản lý tốt hoạt động của công ty. Các bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và kịp thời cung cấp thông tin cần thiết cho nhà lãnh đạo công ty trong việc giám sát, kiểm tra và nghiên cứu thay đổi chính sách quản lý kinh tế phù hợp với yêu cầu quản lý nói chung và đặc điểm kinh doanh của công ty nói riêng. Cùng với sự phát triển lớn mạnh của công ty, công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Kế toán đã phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh doanh của công ty, đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản lý.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu về bộ máy kế toán của công ty, em nhận thấy bộ máy kế toán của công ty đã đạt được rất nhiều thành tựu đáng kể:

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Hình thức tổ chức kế toán này phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty nên đã đảm bảo việc kiểm tra, giám sát và đối chiếu số liệu. Bên cạnh đó, công ty đã thiết lập

được một bộ máy kế toán tuy khá gọn nhẹ, nhưng đã tổ chức tương đối hoàn chỉnh, có tay nghề chuyên môn khá vững vàng, được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng. Chính điều này đã tạo ra sự chuyên môn hóa trong công tác kế toán, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác kế toán nói riêng và của công tác quản lý tài chính nói chung của công ty.

- *Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:*

Công ty sử dụng khá nhiều các loại chứng từ khác nhau, phù hợp với từng phân hành. Các chứng từ này chủ yếu được lập theo các chứng từ như trong các quy định, hướng dẫn của Bộ tài chính. Kế toán thực hiện rất nghiêm việc lập và luân chuyển chứng từ như chế độ quy định để đảm bảo tính khách quan và nhằm bảo vệ chứng từ không bị mất mát, hư hỏng. Chứng từ được lưu giữ một cách khoa học và ngăn nắp, được chia theo thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm để kiểm tra, đối chiếu cũng như thuận lợi cho công tác bảo quản chứng từ.

- *Về hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ. Hình thức này vừa đơn giản, ghi chép không quá phức tạp cả về quy trình ghi sổ cũng như yêu cầu về các loại sổ sách mà thông tin còn được ghi chép rất đầy đủ, chi tiết, đảm bảo có hệ thống, chính xác, phù hợp với quy mô cũng như yêu cầu hạch toán chung của công ty.

3.1.2. Những tồn tại và hạn chế

Cùng với những mặt tích cực nêu trên, công ty vẫn còn một số điểm hạn chế trong việc thực hiện công tác kế toán.

- *Về mặt sổ sách kế toán*

Về hệ thống sổ chi tiết, kế toán nên hạch toán chi tiết cho từng loại hàng hoá bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn của từng mặt hàng, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời hệ thống sổ chi tiết còn giúp doanh nghiệp kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt

được hiệu quả, chất lượng hàng hoá tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty.

● *Về mặt phương pháp hạch toán:*

Khi hạch toán khoản lãi tiền gửi từ Ngân hàng, công ty đã hạch toán vào tài khoản 711- “Thu nhập khác”. Điều này là không hợp lý và không đúng với chế độ quy định. Theo em thì doanh nghiệp nên hạch toán vào tài khoản 515- “Doanh thu hoạt động tài chính”

● *Về công tác kế toán:*

- Hệ thống sổ sách của công ty được thực hiện thủ công bằng Excel và ghi chép tay nên tốn nhiều thời gian. Công ty nên sử dụng các phần mềm kế toán để giúp cho kế toán giảm bớt được rất nhiều khối lượng công việc tính toán và ghi chép, khiến cho việc lập báo cáo trở lên nhanh chóng, thuận tiện và chính xác.

- Do quy mô của công ty là một công ty vừa và nhỏ nên có sự hạn chế về mặt số lượng nhân sự của công ty. Công ty đã vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm, thủ quỹ của công ty thì chưa có sự độc lập cần thiết với bộ máy kế toán. Thủ quỹ của công ty là do nhân viên kế toán đảm nhiệm. Điều này có thể dẫn tới tình trạng trách nhiệm không được phân chia rõ ràng, khi xảy ra sai sót rất khó để quy trách nhiệm. Bên cạnh đó còn có thể dẫn đến các tình trạng tiêu cực như thông đồng, móc ngoặc... Để tránh tình trạng này, công ty cần cử riêng một nhân viên làm thủ quỹ và nhân viên này phải tách biệt, không đảm nhiệm công việc kế toán.

● *Về công tác lập dự phòng*

Là một doanh nghiệp thương mại nên việc quản lý tốt các khoản vốn bị chiếm dụng là vô cùng quan trọng. Khi xem xét bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp ta thấy khoản mục phải thu khách hàng của doanh nghiệp là một khoản mục quan trọng, chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong công tác hạch toán thanh toán với khách hàng thì doanh nghiệp lại không thực hiện việc đánh giá và lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Nếu trong năm các khoản phải thu không đòi được doanh nghiệp sẽ hạch toán luôn vào TK 642. Điều này là không hợp lý, không làm rõ được nguyên nhân

gây tăng chi phí dẫn tới việc cung cấp thông tin kế toán không chính xác. Do đó, cuối kỳ công ty nên đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng và tiến hành trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu được đánh giá là khả năng thanh toán thấp.

3.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy

3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá và việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí... Hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, khuyến khích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp những tài liệu có độ tin cậy và chính xác cao giúp cho nhà quản lý hiểu đúng về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua đó, các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những mặt hạn chế và phát huy những thế mạnh nhằm mục đích đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu của doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy, các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì công cuộc đổi mới hiện nay.

Mặt khác, kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiếp lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học. Ban quản lý công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản, góp phần bảo vệ sử dụng hợp lý và hiệu quả của đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính của công tác kế toán còn có thuộc công tác thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của công ty như: Chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động... Để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục đích tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

a. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

b. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

c. Hoàn thiện phải đáp ứng nhu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với công tác quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

d. Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Thụy.

3.2.3.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán chi tiết tại Công ty

Khi hạch toán doanh thu bán hàng công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hoá như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác... Như vậy, công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng (Biểu mẫu 3.1)

CÔNG TY TNHH HOÀNG THUY

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	DOANH THU			CÁC KHOẢN TÍNH TRỪ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh -Doanh thu -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

-Số này có...trang, đánh số trang 01 đến trang...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày mở sổ:

Ngày...tháng...năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 3.1

Ví dụ: Ngày 3/12/2011 Công ty bán 1560 kg thép fi6- fi8 cho Công ty TNHH Nhật Phát. Kế toán căn cứ vào chứng từ để vào từng cột cụ thể trong sổ chi tiết bán hàng (Biểu mẫu 3.2)

CÔNG TY TNHH HOÀNG THỤY

Mẫu số S35-DN

117 Hoàng Quốc Việt – Ngọc Sơn- Kiến An- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Thép fi6-fi8

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	DOANH THU			CÁC KHOẢN TÍNH TRỪ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			<i>Phát sinh tháng 12/2011</i>						
								
3/12/2011	HĐ312	3/12/2011	Bán thép cuộn fi6-fi8	131	1.560	12.364	19.287.840		
4/12/2011	PT05/12	4/12/2011	Thu tiền bán thép cuộn cây	111	190	12.227	2.323.181		
			Cộng số phát sinh -Doanh thu -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

- Sổ này có...trang, đánh số trang 01 đến trang...

Ngày...tháng...năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 3.2

- Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hoá bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại hàng hoá bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hoá tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy, công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (biểu mẫu 3.3).

- Kế toán theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bằng TK 642- chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi phí tiền lương, trích BHXH, tiền thưởng, phụ cấp... của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong quản lý như máy tính, máy photocopy... chi phí mua đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định dùng cho văn phòng, các khoản phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài như trả tiền điện, nước, điện thoại của trụ sở chính và các chi phí bằng tiền khác. Do đó, công ty nên mở thêm sổ chi tiết cho tài khoản 642 (biểu mẫu 3.3) để chi tiết theo yếu tố chi phí.

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			-Số dư đầu kỳ										
			-Số phát sinh trong kỳ										
			-Cộng số phát sinh										
			-Ghi Có TK										
			-Số dư cuối kỳ										

Biểu mẫu 3.3

Ví dụ: Trong tháng 12 căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán

Tên sản phẩm, dịch vụ: Thép fi6-fi8

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
			-Số dư đầu kỳ				
			-Số phát sinh trong kỳ				
3/12/2011	PX79/12	3/12/2011	Xuất hàng theo HĐ312	156	18.558.855	1.560	11.897
4/12/2011	PX06/12	4/12/2011	Xuất hàng theo hoá đơn HĐ 315	156	2.260.373	190	11.897
						
			-Cộng số phát sinh tháng 12				

Biểu mẫu 3.4

Ví dụ: Trong tháng 12/2011 căn cứ vào chứng từ, kế toán vào sổ chi tiết chi phí QLDN theo các nội dung chi phí (Biểu mẫu 3.5)

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày, tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đôi ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN 6422					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên QLý	CP vật liệu QLý	CP khấu hao TSCĐ	CP dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số phát sinh trong tháng							
									
11/12/2011	PC02/12	11/12/2011	Trả tiền điện thoại tháng 11/2011	111	888.832				888.832	
									
			Cộng số phát sinh tháng 12							

Biểu mẫu 3.5

3.2.3.2 Hoàn thiện về phương pháp hạch toán

Khi hạch toán khoản lãi tiền gửi từ Ngân hàng, công ty đã hạch toán vào tài khoản 711 “Thu nhập khác”, điều này là không hợp lý và không đúng với chế độ quy định. Theo em thì doanh nghiệp nên hạch toán vào tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Phương pháp hạch toán TK 515- “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Ví dụ: Ngày 31/12/2011 nhận lãi tiền gửi Ngân hàng VPBanks Kiên An số tiền là 692.695, kế toán định khoản

Nợ TK 112: 692.695

Có TK515: 692.965

Căn cứ vào giấy báo Có kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK112, Sổ cái TK515 và các sổ sách có liên quan.

3.2.3.3 Hiện đại hoá công tác kế toán

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán dành cho các công ty vừa và nhỏ với các tính năng ưu việt và hiệu quả giúp cho các kế toán tiết kiệm được nhiều thời gian và các con số được tính toán một cách chính xác và tự động. Nhưng để lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp là một công việc thực sự khó khăn với hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam vì có quá nhiều sản phẩm phần mềm kế toán và mỗi nhà cung cấp lại có những lựa chọn khác nhau cho người sử dụng sản phẩm của họ. Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với giá cả hợp lý. Do đó, công ty cần tham khảo một số phần mềm để đưa ra lựa chọn đúng đắn.

- *Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012*

Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng



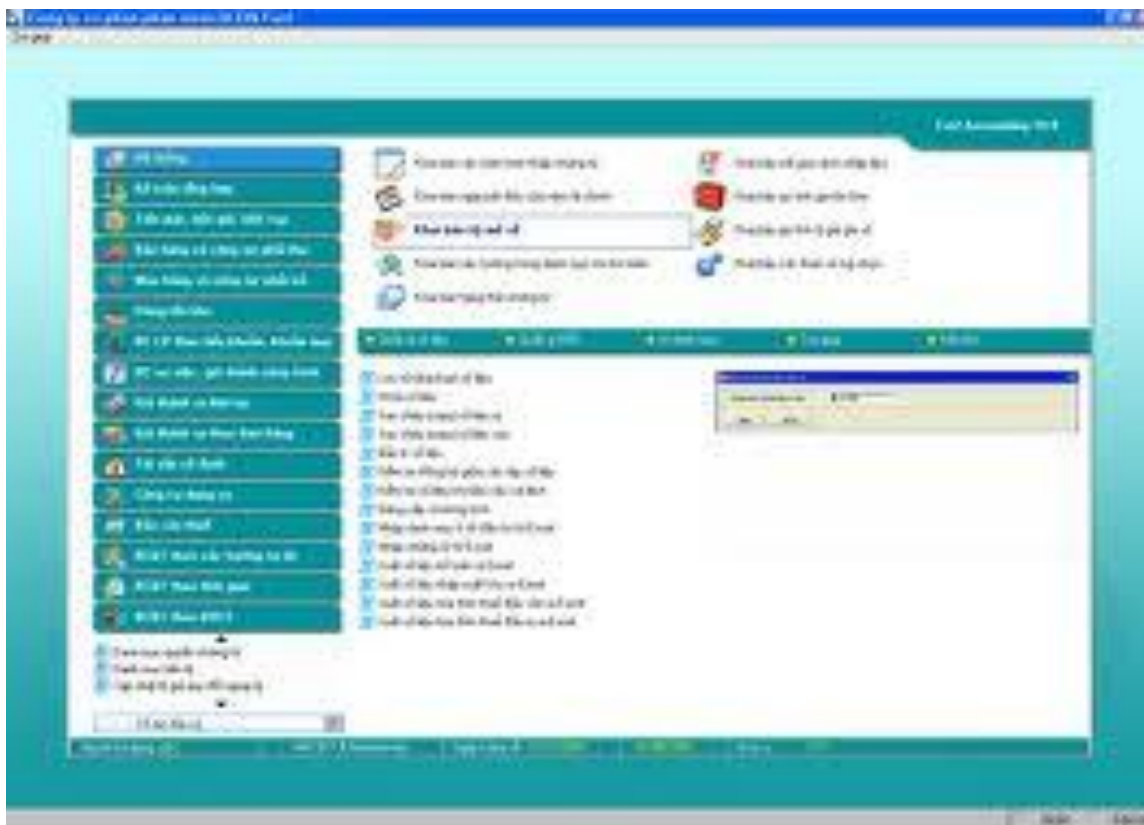
Chức năng:

Phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISASME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Báo giá: 9.950.000 VNĐ

- *Phần mềm kế toán FAST*

Giao diện phần mềm kế toán Fast:

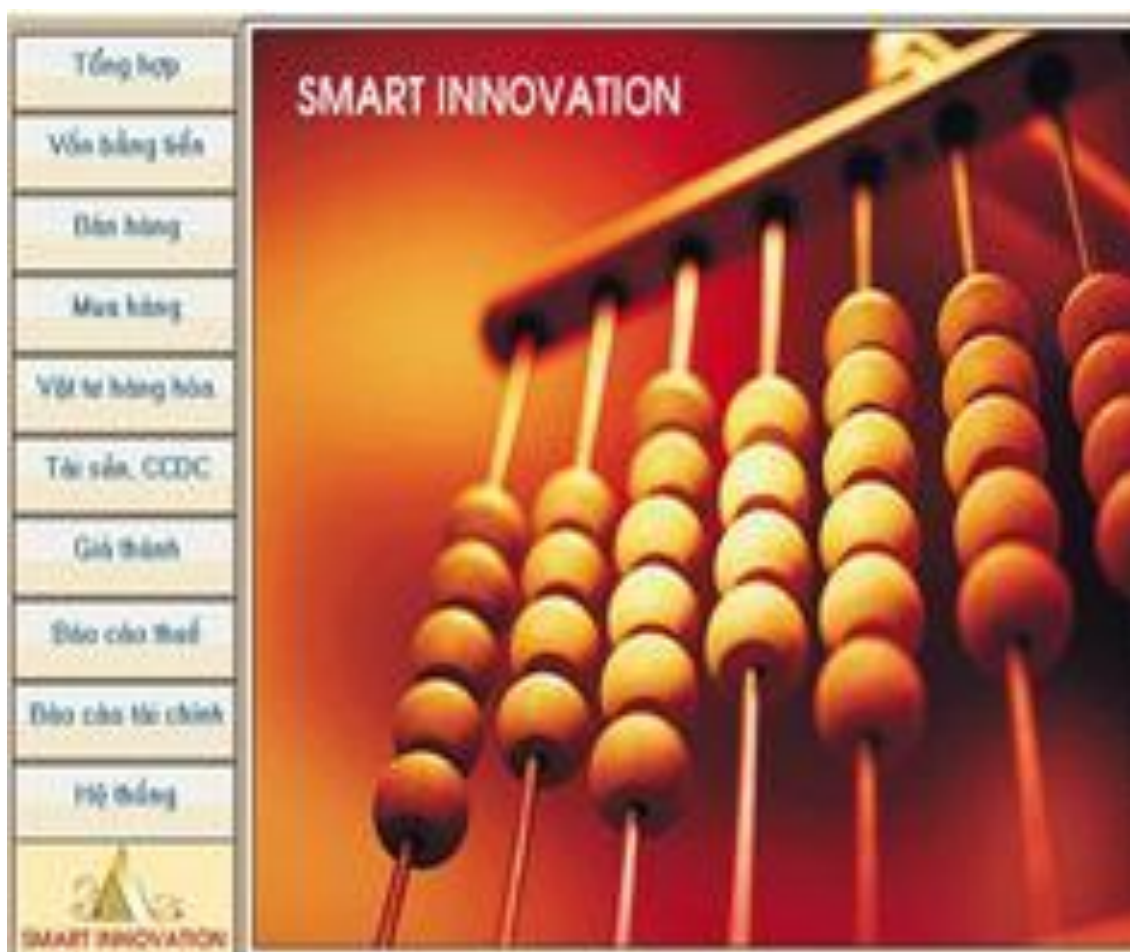


Chức năng:

Fast accounting (Phiên bản 10.10) mang những tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm...), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt...). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

● *Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro*

Giao diện:



Chức năng:

SAS INNOVA 6.8.1 Pro có rất nhiều tính năng nổi bật như: Cập nhật chứng từ kế toán không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), Giảm 80% thời gian nhập các chứng từ tương tự với chức năng “copy” chứng từ, tạo và in phiếu thu, in phiếu xuất ngay trên Hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi ngay trên Hóa đơn mua hàng, chuyển các chứng từ nhập chỉ bằng 1 kích chuột, giao diện Anh-Việt, Báo cáo thuế theo Thông tư 60, Báo cáo Tài chính theo Quyết định 15 hoặc Quyết định 48, tích hợp mã vạch 2 chiều vào tờ khai thuế (không cần nhập vào phần mềm HTKK)...

Ngoài ra, phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro được thiết kế dựa trên các quyết định mới nhất của Bộ Tài Chính như Quyết định 15/2006/QĐ-

BTC, Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, Thông tư 60/2007/TT-BTC hướng dẫn kê khai thuế, Thông tư 127/2004/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2004 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 84/2004/TT-BTC và Thông tư 120/2003/TT-BTC... Với sản phẩm này, người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, thông tin quản trị, thông tin về phân tích tài chính, sản xuất, kinh doanh.

Báo giá: 10.000.000 VNĐ

Theo em công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán và đặc biệt là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 vì phần mềm này có các tính năng mạnh mẽ được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt là giá cả của phần mềm này rất phải chăng so với các phần mềm kế toán trên thị trường.

3.2.3.4 Hoàn thiện về trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác như: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại xây dựng, vật tư Đức Mạnh; Công ty Trách nhiệm hữu hạn vật tư, xây dựng Quang Anh và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Hưng với các khoản phải thu quá hạn trên 6 tháng. Do đó, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng với các khoản phải thu khó đòi.

Theo quy định, đối tượng và điều kiện được phép thực hiện trích lập dự phòng là các khoản nợ phải thu đảm bảo là các khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Để xác định một khoản nợ là khoản nợ phải thu khó đòi phải căn cứ vào các điều kiện sau:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Theo Thông tư số: 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng bộ tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng. Khi thực hiện trích lập dự phòng cần chú ý:

- Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

• Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác. Theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC các khoản nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”

Kết cấu và nội dung của tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”

Bên nợ:

- Giá trị dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước. Giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, được bù đắp bằng số dự phòng đã trích lập.

- Giá trị dự phòng các khoản phải thu khó đòi được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn số còn lại của năm trước.

Bên có:

- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Giá trị dự phòng phải thu khó đòi tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

- Giá trị dự phòng đầu tư ngắn hạn tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị các khoản dự phòng hiện có cuối kỳ.

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1591 - “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

- Tài khoản 1592 - “Dự phòng phải thu khó đòi”

- Tài khoản 1593 - “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Theo Quyết định 48/2006/ QĐ-BTC kế toán sử dụng tài khoản 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi” để hạch toán các khoản nợ phải thu khó đòi.

Phương pháp hạch toán kế toántài khoản 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

-Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

-Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

-Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

-Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác:

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI CỦA CÔNG TY
(Tính đến 31/12/2011)

STT	Tên Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Số cần lập dự phòng
1	Công ty TNHH TM Đức Mạnh	18.876.903	8 tháng 5 ngày	5.663.071
2	Công ty TNHH XD Quang Anh	16.826.840	11 tháng 12 ngày	5.048.052
3	Công ty TNHH Phú Hưng	12.993.728	6 tháng 9 ngày	3.898.118
	Cộng	48.697.471		14.609.241

* Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ TK 6422: 14.609.241

Có TK 1592: 14.609.241

Đồng thời, kế toán tiến hành định khoản vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản 642, sổ cái tài khoản 159.

3.2.3.5 Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán.

- Công ty nên mở rộng thêm về nhân lực vì hiện nay thủ quỹ của công ty chưa có sự độc lập cần thiết với kế toán. Thủ quỹ của công ty là do nhân viên kế toán đảm nhiệm. Do đó, công ty cần cử riêng một nhân viên làm thủ quỹ và thủ quỹ phải hoạt động độc lập với nhân viên kế toán.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay, nhất là trong điều kiện Việt Nam mới ra nhập Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), mọi tổ chức cũng như cá nhân đều phải không ngừng nỗ lực phấn đấu, tiếp thu kiến thức và công nghệ để không sợ bị tụt hậu so với tốc độ phát triển về tri thức chóng mặt như hiện nay. Chính vì vậy, bản thân em, với tư cách là sinh viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng cũng không ngừng nỗ lực học hỏi, không những chỉ kiến thức trên ghế nhà trường mà cả những kiến thức thực tế ngoài xã hội.

Trong thời gian thực tập tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy được sự giúp đỡ của các anh chị nhân viên trong phòng kế toán của công ty đặc biệt là sự chỉ bảo của Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh em đã có được cơ hội để áp dụng những kiến thức mình thu nhận được trên ghế nhà trường vào thực tiễn công việc và còn học hỏi được rất nhiều những kiến thức thực tế. Từ những kiến thức có được trong thời gian qua giúp em có thể hoàn thành được Khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy”. Tuy nhiên, do chưa có nhiều kinh nghiệm, hiểu biết còn hạn chế và thời gian thực tập ở công ty chưa lâu nên khóa luận của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, đặc biệt là sự chỉ bảo của Thạc sĩ. Nguyễn Thị Mai Linh để bài khóa luận của em có giá trị thực tiễn cao hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Trần Thị Kim Thoa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS. Võ Văn Nhị.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tái khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Báo cáo tài chính. Chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
5. Giáo trình Kế toán tài chính – Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân
6. Giáo trình nguyên lý kế toán - Nhà xuất bản thống kê.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.....	7
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	7
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.1.2. Các khái niệm cơ bản.....	8
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	15
1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	16
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu	16
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	20
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	24
1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	27
1.2.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	30
1.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	32
CHƯƠNG 2:.....	35
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG THUY.....	35
2.1 Khái quát chung về Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy	35
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Hoàng Thuy.....	35
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hoàng Thuy.....	35
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công Ty TNHH Hoàng Thuy.....	37

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy.....	39
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Hoàng Thuy	39
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Hoàng Thuy	44
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	49
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	55
2.2.4.3 Trình tự hạch toán	55
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	59
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Thuy.....	62
CHƯƠNG 3.....	69
HOÀN THIỆNCÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍVÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM.....	69
HỮU HẠN HOÀNG THUY	69
3.1. Đánh giá thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy.	69
3.1.1. Những ưu điểm.....	69
3.1.2. Những tồn tại và hạn chế.....	70
3.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy	72
3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thuy.....	72
3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện	73
3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Thuy.	74
KẾT LUẬN	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92